

HOAN MY DONG NAI INTERNATIONAL HOSPITAL

Đề Tài Nghiên Cứu Khoa Học

Năm 2018

CNĐD: Ngô Công Tuấn



ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

KHẢO SÁT MỨC ĐỘ STRESS NGHỀ NGHIỆP CỦA ĐIỀU DƯỠNG TẠI BỆNH VIỆN QUỐC TẾ HOÀN MỸ ĐỒNG NAI NĂM 2018

Chủ nhiệm: NGÔ CÔNG TUẤN

Hướng dẫn: BS.CK2 NGUYỄN PHƯỚC TRƯỞNG NHẬT PHƯƠNG

NỘI DUNG

1. ĐẶT VẤN ĐỀ
2. MỤC TIÊU NGHIÊN CỨU
3. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP
4. KẾT QUẢ & BÀN LUẬN
5. KẾT LUẬN

ĐẶT VẤN ĐỀ

- Stress nghề nghiệp theo định nghĩa là những phản ứng về thể chất và cảm xúc tiêu cực xảy ra khi có những đòi hỏi của công việc, nhưng chưa tương xứng với năng lực hoặc nhu cầu của người làm việc ^[10]
- Nghề ĐD là nhóm ngành nghề có nguy cơ bị stress rất cao do luôn phải đối mặt với nhiều yếu tố rủi ro và ĐD là người tiếp xúc với người bệnh nhiều nhất ^[4].

ĐẶT VẤN ĐỀ (tt)

- BV Quốc Tế Hoàn Mỹ Đồng Nai là BV đa khoa tư nhân, hoạt động từ năm 2013, điều dưỡng làm việc với khá nhiều áp lực. Tuy nhiên, cho đến nay chưa có NC nào về mức độ stress của ĐD tại BV.
- NC này nhằm mục đích giúp BGĐ hiểu được áp lực công việc của nghề ĐD, từ đó đưa ra các giải pháp hỗ trợ kịp thời giúp ĐD có sức khỏe tinh thần để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

MỤC TIÊU NGHIÊN CỨU

❑ MỤC TIÊU CHUNG:

Xác định mức độ stress nghề nghiệp và các yếu tố liên quan của điều dưỡng tại BV Quốc Tế Hoàn Mỹ Đồng Nai từ tháng 04/2018 đến tháng 06/2018.

❑ MỤC TIÊU CỤ THỂ:

1. Xác định mức độ stress nghề nghiệp của điều dưỡng tại BV Quốc Tế Hoàn Mỹ Đồng Nai.
2. Xác định mối liên quan giữa mức độ stress nghề nghiệp với các đặc điểm của mẫu nghiên cứu.

ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP

1. Đối tượng nghiên cứu:

ĐD làm việc tại BV QTHMĐN trong thời gian khảo sát từ tháng 4/2018 đến tháng 6/2018.

2. Thiết kế nghiên cứu: mô tả cắt ngang

3. Cỡ mẫu: Theo công thức Taro Yamane

$$n = \frac{N}{1+Ne^2} \quad n = \frac{150}{1+150 \times (0,05)^2} = \mathbf{109} \rightarrow \text{Cỡ mẫu có tính đến hao hụt là } \mathbf{120} \text{ ĐD}$$

4. Tiêu chí chọn mẫu

- ĐD làm việc tại các khoa lâm sàng BV QTHMĐN.
- Tự nguyện tham gia nghiên cứu.

5. Tiêu chí loại trừ: ĐD không hoàn thành hết 54 câu khảo sát

ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP (tt)

6. Kỹ thuật chọn mẫu: ngẫu nhiên phân tầng, xác suất ngẫu nhiên đơn

7. Công cụ thu thập:

- Bộ câu hỏi ENSS của tác giả French gồm 54 câu với 8 nội dung
- Người tham gia nghiên cứu sẽ chọn 1 trong 4 phương án trả lời cho mỗi câu hỏi tương ứng với 4 mức độ cảm xúc
- Mức độ stress được chia làm 3 mức độ theo tác giả Polit và Hungler:

$$\text{Mức độ stress} = \text{điểm trung bình} = \frac{\text{Tổng điểm khảo sát}}{54}$$

- 1 đến < 2 : thấp
- 2 đến 3 : trung bình
- > 3 đến 4 : cao

8. Biến số nghiên cứu: 12 biến số

9. Xử lý và phân tích số liệu: phần mềm Stada 12.0.

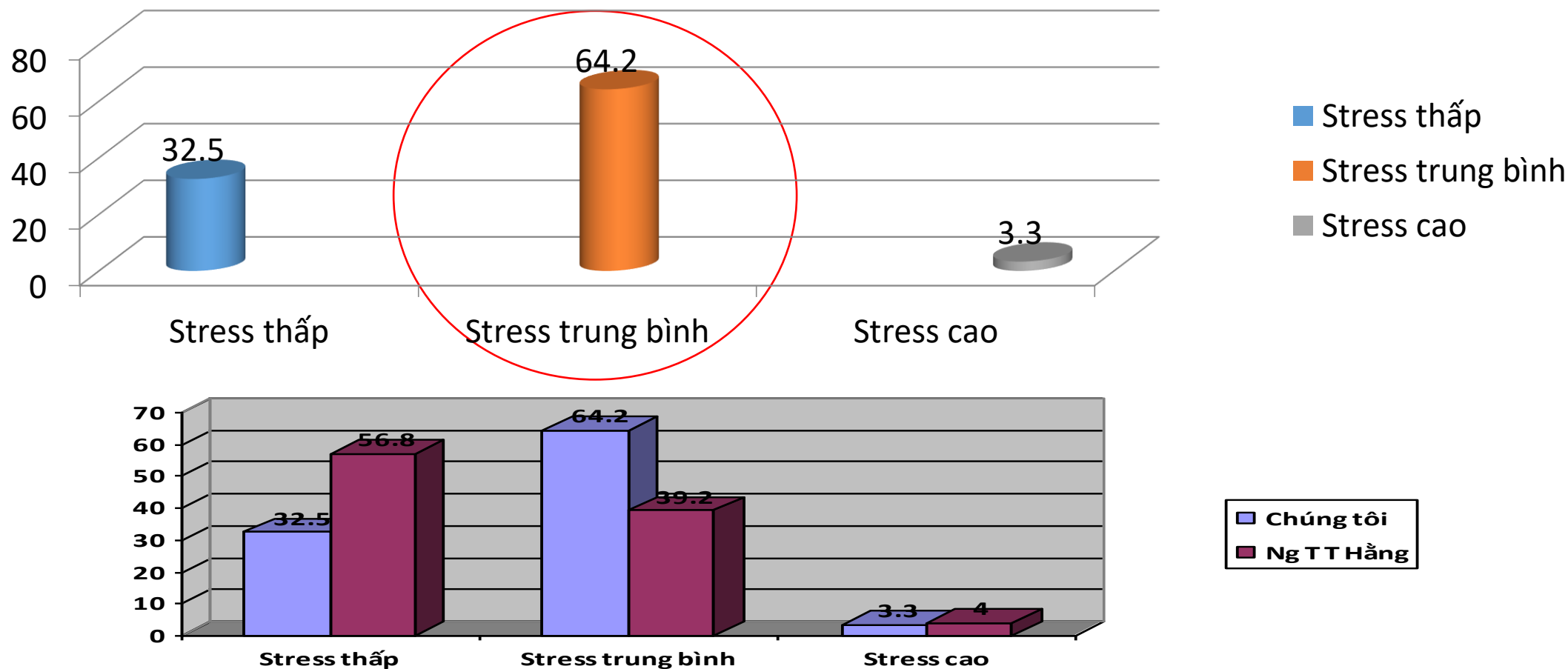
KẾT QUẢ & BÀN LUẬN

1. ĐẶC ĐIỂM CỦA MẪU NGHIÊN CỨU (n=120)

Đặc điểm	Chúng tôi (n=120)	Nguyễn Thị Thúy Hằng (n=150)
Tuổi trung bình	26	32
Giới	Nữ 85%	Nữ 86,5%
Tình trạng hôn nhân	Độc thân 59.2%	Độc thân 24,3%
Trình độ chuyên môn	Cao đẳng 46.7%	Cao đẳng 7,4%
Khoa làm việc	Nội 18.3 % GMHS 18.3%	Nội 45,9%
Thâm niên nghề	48 tháng	108 tháng
Thời gian làm việc tại khoa	34 tháng	80,4 tháng
Số bệnh nhân chăm sóc ca ngày	9 bệnh	20 bệnh
Số bệnh nhân chăm sóc ca đêm	8 bệnh	19 bệnh

KẾT QUẢ & BÀN LUẬN (tt)

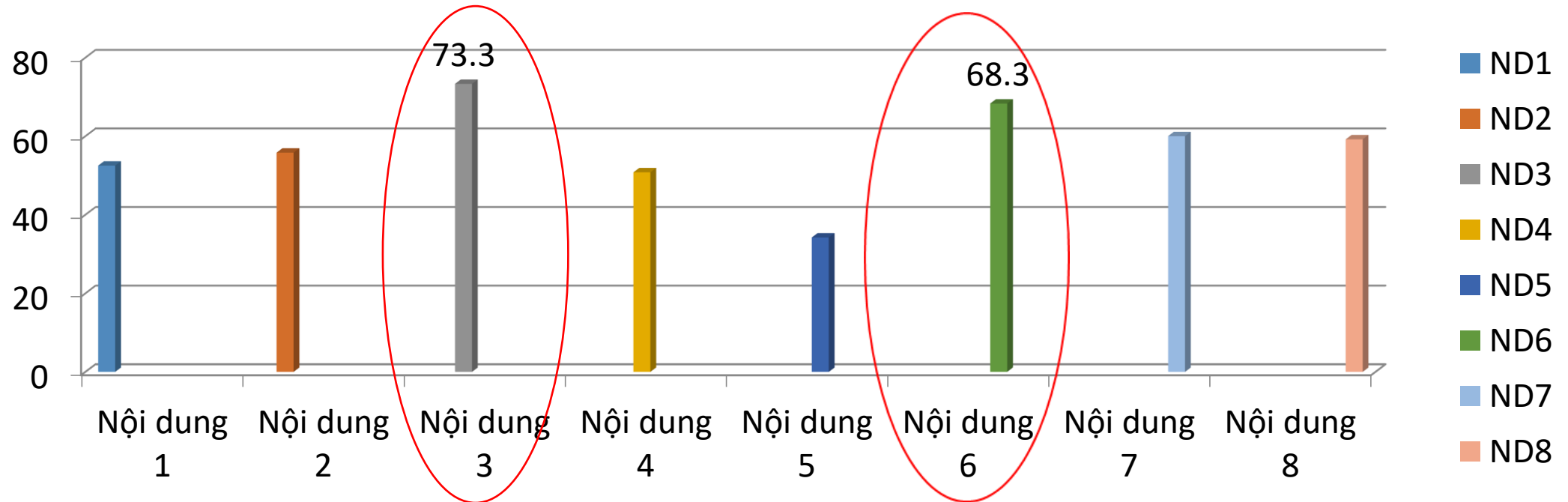
2. MỨC ĐỘ STRESS CỦA ĐIỀU DƯỠNG (n=120)



Mức độ stress trung bình khá cao **64,2%** , cao hơn nghiên cứu của Nguyễn Thị Thúy Hằng (39,2%) và Nguyễn Ngọc Hà ^[9]

KẾT QUẢ & BÀN LUẬN (tt)

3. MỨC ĐỘ STRESS TRUNG BÌNH THEO 8 NỘI DUNG (n=120)



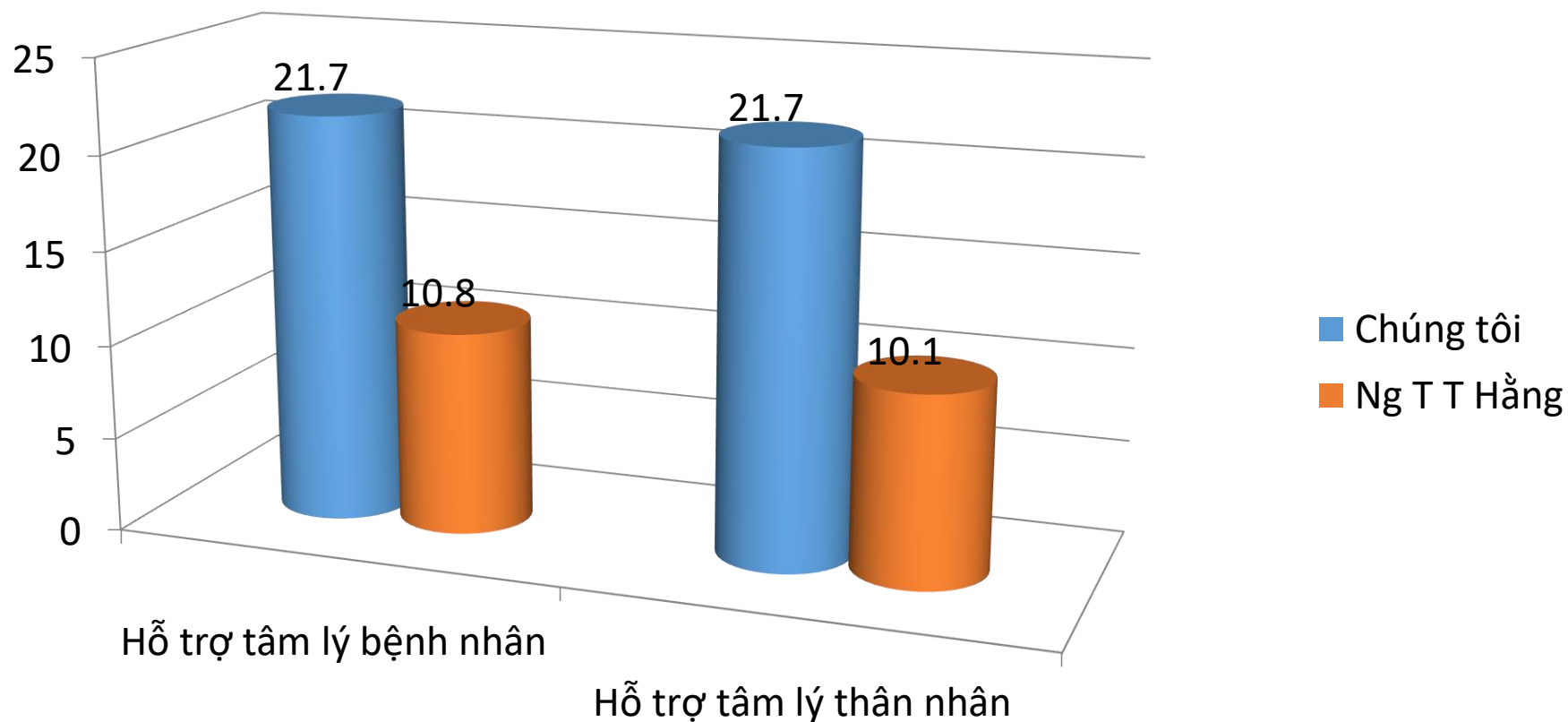
Trong 8 nội dung, mức độ stress trung bình chiếm tỷ lệ cao ở:

- 1) Nội dung 3: **chưa chuẩn bị về mặt cảm xúc** (73.3%)
- 2) Nội dung 6: **khối lượng công việc** (68.3%)

KẾT QUẢ & BÀN LUẬN (tt)

Nội dung 3: CHỮA CHUẨN BỊ VỀ MẶT CẢM XÚC

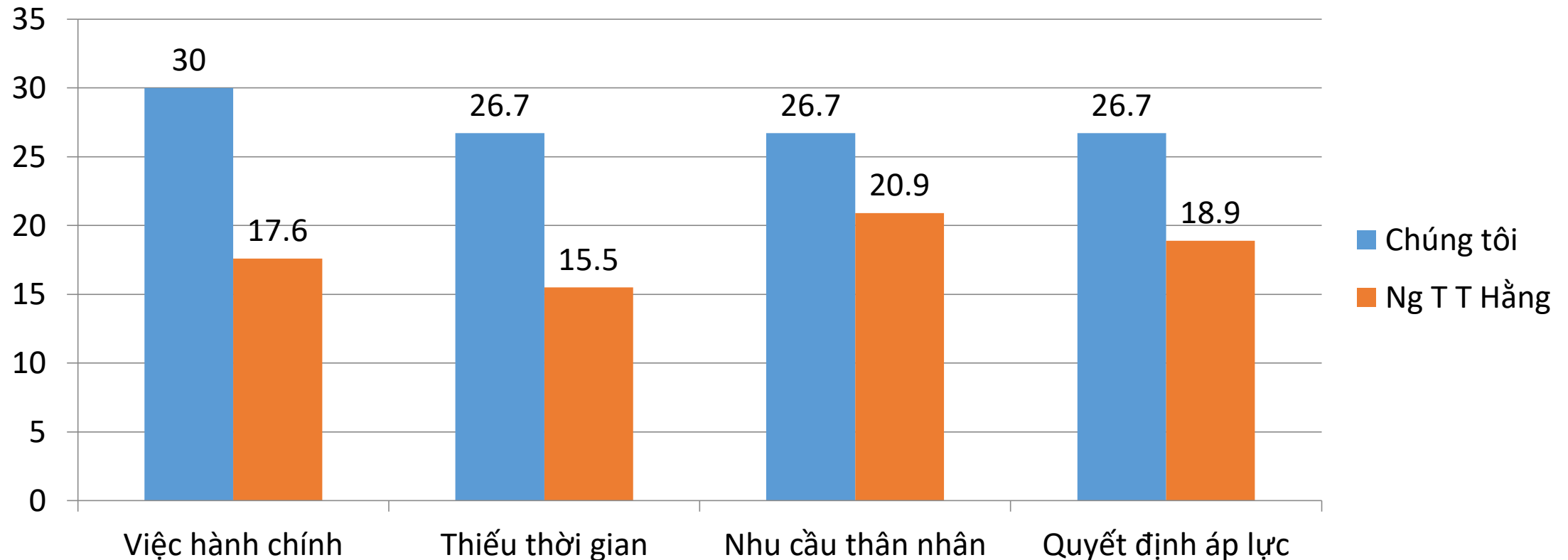
Thường xuyên stress



KẾT QUẢ & BÀN LUẬN (tt)

Nội dung 6: KHỐI LƯỢNG CÔNG VIỆC

Thường xuyên stress



KẾT QUẢ & BÀN LUẬN (tt)

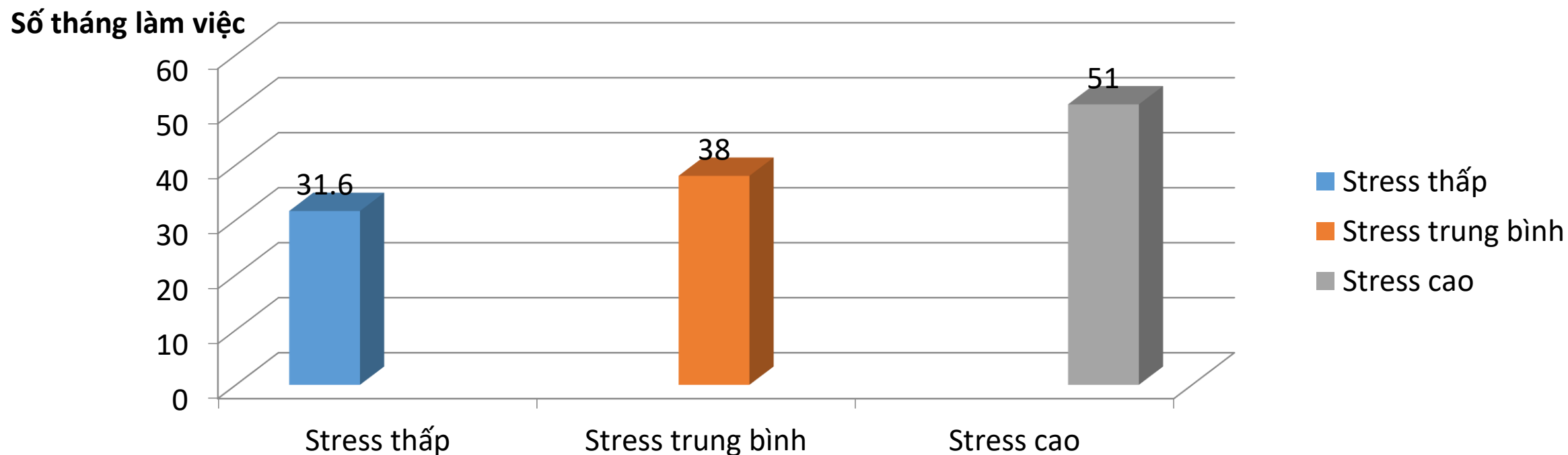
4. LIÊN QUAN GIỮA MỨC ĐỘ STRESS VỚI CÁC ĐẶC ĐIỂM MẪU

Đặc điểm		Mức độ stress			Giá trị p
		Thấp n (%)	Trung bình n (%)	Cao n (%)	
Thâm niên làm việc tại BV QTHMĐN (tháng)		31,6±30,1	38,0±19,9	51±11,5	0,02**
Nhóm thâm niên làm việc tại BV QTHMĐN (tháng)	▪ < 36 tháng	25 (49,0)	26 (51,0)	0 (0)	0,001*
	▪ ≥ 36 tháng	14 (20,3)	51 (73,9)	4 (5,8)	
Thời gian làm việc tại khoa (tháng)		30,8±30,2	34,9±19,8	51±11,5	0,03**
Nhóm thời gian làm việc tại khoa (tháng)	▪ < 36 tháng	25 (44,6)	31 (55,4)	0 (0)	0,006*
	▪ ≥ 36 tháng	14 (21,9)	46 (71,9)	4 (3,3)	

KẾT QUẢ & BÀN LUẬN (tt)

4. LIÊN QUAN GIỮA MỨC ĐỘ STRESS VỚI CÁC ĐẶC ĐIỂM MẪU

Thâm niên làm việc tại BV Quốc tế Hoàn Mỹ Đồng Nai ($p = 0,02$)

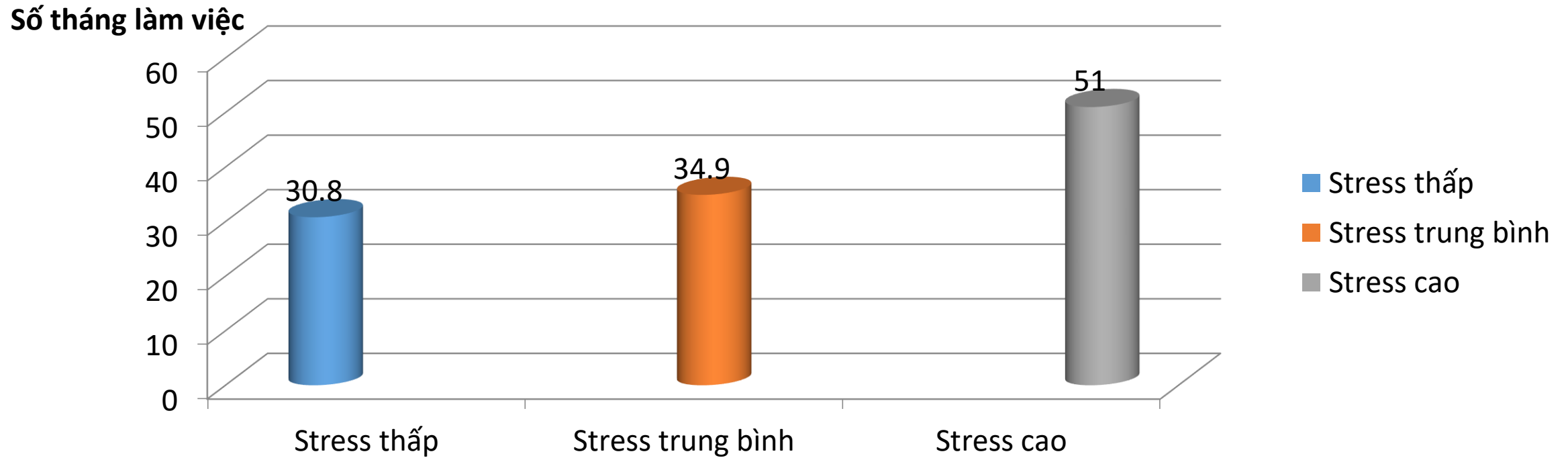


Nguyễn Thị Thúy Hằng ($p=0,71$)

KẾT QUẢ & BÀN LUẬN (tt)

4. LIÊN QUAN GIỮA MỨC ĐỘ STRESS VỚI CÁC ĐẶC ĐIỂM MẪU

Thời gian làm việc tại khoa ($p = 0,03$)



Nguyễn Thị Thúy Hằng ($p=0,99$)

- BV tư nhân, lấy sự hài lòng của khách hàng làm trung tâm, nhu cầu của thân nhân và BN cũng cao hơn
- ĐD có thâm niên, có kinh nghiệm thường được phân công nhiều nhiệm vụ khó khăn, phức tạp hơn so với ĐD mới vào.

KẾT QUẢ & BÀN LUẬN (tt)

8 ĐẶC ĐIỂM KHÔNG LIÊN QUAN VỚI MỨC ĐỘ STRESS ($p > 0,05$):

- Tuổi ($p = 0,08$)
- Giới ($p = 0,79$)
- Tình trạng hôn nhân ($p = 0,16$)
- Tình trạng chuyên môn ($p = 0,4$)
- Khoa làm việc ($p = 0,65$)
- Thâm niên nghề điều dưỡng ($p = 0,27$)
- Số bệnh nhân chăm sóc ca ngày ($p = 0,38$)
- Số bệnh nhân chăm sóc ca đêm ($p = 0,79$)

(Nghiên cứu Ng T Thúy Hằng có liên quan ở số BN chăm sóc ca ngày, $p = 0,01$)

KẾT LUẬN

- 1) Mức độ stress nghề nghiệp của điều dưỡng khá cao, chủ yếu ở 2 nội dung chưa chuẩn bị về mặt cảm xúc và khối lượng công việc.
- 2) Mức độ stress tăng dần theo thâm niên làm việc có thể là do tính đặc thù của bệnh viện ngoài công lập.

CẢM ƠN QUÝ VỊ ĐÃ CHÚ Ý LẮNG NGHE

